

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

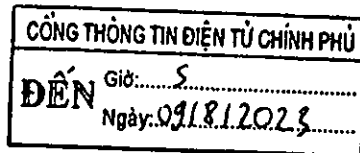
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 95/2023/NQ-HĐND

Ninh Bình, ngày 12 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh Ninh Bình năm 2022 ban hành kèm theo Nghị quyết số 113/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 15**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét Tờ trình số 128/TTr-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh Ninh Bình năm 2022 ban hành kèm theo Nghị quyết số 113/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh Ninh Bình năm 2022 ban hành kèm theo Nghị quyết số 113/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình

1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản, điểm của Điều 3 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

“7. Tiêu chí biên chế: Căn cứ số lượng cán bộ, biên chế công chức, người làm việc (viên chức) hưởng lương từ ngân sách nhà nước, hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ được cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh giao hoặc thông báo theo quy định hiện hành. Đối với các hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh, căn cứ vào số lượng, chức danh theo quy định hiện hành.”

b) Sửa đổi, bổ sung tên khoản 8 và điểm c khoản 8 như sau:

“8. Định mức phân bổ theo tiêu chí biên chế tại Quy định này đã bao gồm:

c) Các khoản chi cho đối tượng hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo quy định ngoài các đối tượng quy định tại khoản 10 Điều này.”

c) Sửa đổi, bổ sung tên khoản 9 và điểm a, điểm b khoản 9 như sau:

“9. Định mức phân bổ theo tiêu chí biên chế tại Quy định này không bao gồm:

a) Đối với cơ quan, đơn vị cấp tỉnh:

Chi tiền lương, phụ cấp (nếu có), các khoản đóng góp theo quy định (nếu có) và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo quy định được xác định tại khoản 10 Điều này.

Chi đối ứng của các dự án; chi thuê trụ sở; chi hỗ trợ cho các Quỹ theo quyết định của cấp có thẩm quyền; chi hoạt động của các Ban chỉ đạo, Ban quản lý, tổ công tác liên ngành, các Ủy ban, các Hội đồng được thành lập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Chi mua sắm, thay thế, bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa: ô tô, máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị; máy móc, thiết bị chuyên dùng; công trình xây dựng, thiết bị công trình xây dựng theo quy định.

Chi đặc thù mang tính chất riêng biệt của từng đơn vị và các khoản phát sinh không thường xuyên khác theo quy định.

Chi thực hiện các Chương trình, Kế hoạch, Đề án, nhiệm vụ khác được cơ quan có thẩm quyền giao và chi nghiệp vụ toàn ngành.

b) Đối với ngân sách huyện, thành phố:

Chi tiền lương, phụ cấp (nếu có), các khoản đóng góp (nếu có) theo quy định và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo quy định được xác định tại khoản 10 Điều này.

Chi thực hiện các Chương trình, Kế hoạch, Đề án, nhiệm vụ khác được cơ quan có thẩm quyền giao.”

d) Bổ sung khoản 10 như sau:

“10. Chi tiền lương, phụ cấp (nếu có), các khoản đóng góp theo quy định (nếu có) và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ. Tiền lương, phụ cấp (nếu có), các khoản đóng góp theo quy định (nếu có) và chi hoạt động được xác định như sau:

a) Tiền lương, phụ cấp (nếu có) và các khoản đóng góp theo quy định (nếu có) cho đối tượng hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ. Số lượng đối tượng hợp đồng lao động được xác định theo số thực tế có mặt tại thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hằng năm, tối đa bằng số lượng hợp đồng lao động được cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh giao hoặc thông báo tại thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023.

b) Chi hoạt động cho các đối tượng tại điểm a khoản này được áp dụng như định mức phân bổ theo tiêu chí biên chế đối với các lĩnh vực chỉ quy định tại Chương II, Chương III Quy định này. Số lượng đối tượng lao động tại điểm a khoản này được cộng vào tổng số biên chế được giao của các cơ quan, đơn vị để tính định mức phân bổ theo tiêu chí biên chế.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 như sau:

“1. Chi lương, phụ cấp (nếu có), các khoản đóng góp theo chế độ cho biên chế được cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh giao hoặc thông báo (không bao gồm đối tượng hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo quy định).”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5 như sau:

“1. Chi lương, phụ cấp (nếu có), các khoản đóng góp theo chế độ cho biên chế được cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh giao hoặc thông báo (không bao gồm đối tượng hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo quy định).”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 như sau:

“1. Chi lương, phụ cấp (nếu có), các khoản đóng góp theo chế độ cho biên chế được cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh giao hoặc thông báo (không bao gồm đối tượng hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo quy định).”

5. Sửa đổi, bổ sung một số khoản, điểm của Điều 7 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a và tên điểm b khoản 3 như sau:

“a) Chi lương, phụ cấp (nếu có), các khoản đóng góp theo chế độ cho biên chế được cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh giao hoặc thông báo (không bao gồm đối tượng hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo quy định).

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí biên chế:”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 như sau:

“b) Chi cho công tác y tế dự phòng, hoạt động y tế khác:

Chi lương, phụ cấp (nếu có), các khoản đóng góp theo chế độ cho biên chế được cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh giao hoặc thông báo (không bao gồm đối tượng hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo quy định).

Định mức phân bổ theo tiêu chí biên chế: 39.000.000 đồng/biên chế/năm.”

6. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 8 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 như sau:

“1. Chi lương, phụ cấp (nếu có), các khoản đóng góp theo chế độ cho biên chế được cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh giao hoặc thông báo (không bao gồm đối tượng hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo quy định).”

b) Sửa đổi khoản 2 như sau:

“2. Định mức phân bổ theo tiêu chí biên chế: 37.000.000 đồng/biên chế/năm.”

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 9 như sau:

“1. Chi lương, phụ cấp (nếu có), các khoản đóng góp theo chế độ cho biên chế được cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh giao hoặc thông báo (không bao gồm đối tượng hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo quy định).”

8. Sửa đổi, bổ sung một số khoản, điểm của Điều 12 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Chi lương, phụ cấp (nếu có), các khoản đóng góp theo chế độ cho biên chế được cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh giao hoặc thông báo (không bao gồm đối tượng hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo quy định).”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 như sau:

“a) Chi tiền lương, phụ cấp (nếu có), các khoản đóng góp theo quy định (nếu có) và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo quy định tại khoản 10 Điều 3 Quy định này.”

9. Sửa đổi, bổ sung một số khoản, điểm của Điều 13 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Chi lương, phụ cấp (nếu có), các khoản đóng góp theo chế độ cho biên chế được cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh giao hoặc thông báo (không bao gồm đối tượng hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo quy định).”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 như sau:

“a) Chi tiền lương, phụ cấp (nếu có), các khoản đóng góp theo quy định (nếu có) và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo quy định tại khoản 10 Điều 3 Quy định này.”

10. Sửa đổi, bổ sung một số khoản, điểm của Điều 14 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Chi lương, phụ cấp (nếu có), các khoản đóng góp theo chế độ cho biên chế được cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh giao hoặc thông báo (không bao gồm đối tượng hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo quy định).”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm b, điểm c khoản 3 như sau:

“a) Chi tiền lương, phụ cấp (nếu có), các khoản đóng góp theo quy định (nếu có) và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo quy định tại khoản 10 Điều 3 Quy định này.

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí biên chế cho Trung tâm Bồi dưỡng chính trị cấp huyện: 41.000.000 đồng/biên chế/năm.

c) Định mức phân bổ theo tiêu chí biên chế cho Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện: 34.000.000 đồng/biên chế/năm.”

11. Sửa đổi, bổ sung một số khoản, điểm của Điều 15 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Chi lương, phụ cấp (nếu có), các khoản đóng góp theo chế độ cho biên chế được cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh giao hoặc thông báo (không bao gồm đối tượng hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo quy định).”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 như sau:

“a) Chi tiền lương, phụ cấp (nếu có), các khoản đóng góp theo quy định (nếu có) và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo quy định tại khoản 10 Điều 3 Quy định này.”

12. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 16 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Chi lương, phụ cấp (nếu có), các khoản đóng góp theo chế độ cho biên chế được cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh giao hoặc thông báo (không bao gồm đối tượng hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo quy định).”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Chi tiền lương, phụ cấp (nếu có), các khoản đóng góp theo quy định (nếu có) và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo quy định tại khoản 10 Điều 3 Quy định này.”

13. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 17 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Chi lương, phụ cấp (nếu có), các khoản đóng góp theo chế độ cho biên chế được cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh giao hoặc thông báo (không bao gồm đối tượng hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo quy định).”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Chi tiền lương, phụ cấp (nếu có), các khoản đóng góp theo quy định (nếu có) và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo quy định tại khoản 10 Điều 3 Quy định này.”

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 như sau:

“Điều 22. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp kinh tế

1. Chi lương, phụ cấp (nếu có), các khoản đóng góp theo chế độ cho biên chế được cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh giao hoặc thông báo (không bao gồm đối tượng hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo quy định).

2. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp kinh tế phân bổ theo mức bằng 3,5% tổng chi thường xuyên các lĩnh vực chi ngân sách của từng huyện, thành phố (từ Điều 12 đến Điều 21 Quy định này).

3. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

a) Chi tiền lương, phụ cấp (nếu có), các khoản đóng góp theo quy định (nếu có) và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo quy định tại khoản 10 Điều 3 Quy định này.

b) Phân bổ theo tiêu chí phân loại đô thị:

Thành phố Ninh Bình: 20 tỷ đồng/năm;

Thành phố Tam Điệp: 18,5 tỷ đồng/năm;

Các huyện còn lại: 15 tỷ đồng/năm.

c) Kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ.

d) Kinh phí hỗ trợ để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 và Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ.”

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 28 như sau:

“1. Chi lương, phụ cấp (nếu có), các khoản đóng góp theo chế độ cho biên chế được cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh giao hoặc thông báo (không bao gồm đối tượng hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo quy định).”

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với kinh phí thực hiện Nghị quyết này năm 2023, các cơ quan, đơn vị bố trí, sắp xếp trong phạm vi dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 đã được cấp có thẩm quyền giao để thực hiện.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa XV, kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XV;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Website Chính phủ, Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Ninh Bình;
- Lưu: VT, phòng CTHĐND.



CHỦ TỊCH

Mai Văn Tuất